**MỤC LỤC**

**A.ĐẶT VẤN ĐỀ ………………………………………………………..2**

**B.GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ ……………………………………………..2**

**I.Khái quát về công ti**…………………………………………………..2

*1.Khái niệm về công ti*……………………………………………………2

*2.Các loại hình công ty phổ biến trên thế giới………………………………*3

**II.Pháp luật hiện hành về hình thức vốn góp, định giá vốn góp và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ty**…………………………….4

***1.Hình thức góp vốn****…………………………………………………………….*.4

*a. Khái niệm góp vốn……………………………………………………………*5

*b. Đối tượng góp vốn………………………………………………………*…..5

 *c. Kết quả của việc góp vốn………………………………………*………….6

***2. Định gía tài sản****………………………………………………………………*7

*a. Phương thức định giá…………………………………………*……………7

*b. Ý nghĩa của việc định giá………………………………………………*…...8*.*

***3.Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ty****…………………*……10

*a.Chuyển giao pháp lý………………………………………………………*…..11

*b.Chuyển giao vật chất…………………………………………………………*..12

**III.Một số nhận xét về các quy định của pháp luật về hình thức góp vốn, định gía tài sản, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ty……….13**

**C.KẾT LUẬN…………………………………………………………….15**

**D.DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO…………………………….16**

**BÀI LÀM.**

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ.**

Luật doanh nghiệp năm 2005 ra đời đã đánh dấu một sự thay đổi lớn trong

pháp luật về doanh nghiệp ở Việt Nam, đồng thời phản ánh được nhiều tư tưởng và mục tiêu nổi bật của Luật doanh nghiệp năm 2005 là hình thành một khung pháp lý chung, bình đẳng áp dụng thống nhất cho mọi loại hình doanh nghiệp. Việc ban hành luật doanh nghiệp năm 2005 đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động bình đẳng trong điều kiện nền kinh tế thị trường, cũng như hội nhập kinh tế quốc tế. Luật doanh nghiệp được quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 quy định có ba loại hình công ty: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh. Trong đó có cả những quy định chung cũng như quy định riêng về từng loại hình công ty. Cụ thể sau đây em xin trình bày về một khía cạnh chung của ba loại hình công ty trên. Đó là “ pháp luật hiện hành về hình thức góp vốn, định giá vốn góp, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ty”.

**B.GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ.**

1. **Khái quát về công ty.**
2. **Khái niệm công ty.**

Trong khoa học pháp lý các nhà luật học đã đưa ra các định nghĩa khác nhau

về công ty. Cụ thể Nhà luật học Kubler Cộng hào Liên Bang Đức cho rằng: “ Công ty được hiểu là sự liên kết của hai hay nhiều cá nhân hoắc pháp nhân bằng một sự kiện pháp lý nhằm tiến hành các hoạt động để đạt các mục tiêu chung nào đó”. Hay bộ luật dân sự cộng hòa Pháp cũng quy định: “ Công ty là một hợp đồng thông qua đó hai hay nhiều người thỏa thuận với nhau sử dụng tài sản hay khả năng của mình vào một hoạt động chung nhằm chia lợi nhuận thu được qua hoạt động đó”. Còn theo luật Việt Nam thì: “ Công ty là doanh nghiệp trong đó các thành viên cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong số vốn đã góp.

1. **Các loại hình công ty phổ biến trên thế giới.**

Trải qua bao nhiêu năm tồn tại và phát triển, công ty có nhiều loại hình khác nhau có loại vẫn còn tồn tại có loại lại đang dần mất đi. Căn cứ vào tính chất liên kết, chế độ chịu trách nhiệm của thành viên công ty và ý chí của nhà làm luật, mà dưới góc độ pháp lý người ta chia công ty thành hai loại hình chính là công ty đối nhân và công ty đối vốn.

 *Về công ty đối nhân*, là công ty mà việc thành lập dựa trên sự liên kết chặt chẽ bởi độ tin cậy về nhân thân của các thành viên tham gia, sự hùn vốn là yếu tố thứ nhất. Đặc điểm cơ bản của công ty đối nhân là không có sự tách bạch về tài sản cá nhân các thành viên và tài sản công ty. Các thành viên liên đới chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của công ty hoặc ít nhất cũng phải có một thành viên chịu trách nhiệm vô hạn về các khoản nợ của công ty. Các thành viên có tư cách thương gia độc lập và phải chịu thuế thu nhập cá nhân, bản thân công ty không bị đánh thuế. Có hai loại hình công ty đối nhân cơ bản:

* Công ty hợp danh:
* Công ty hợp vốn đơn giản;

*So với công ty đối nhân, công ty đối vốn* ra đời muộn hơn và công ty đối vốn không quan tâm tới nhân thân người góp vốn mà chỉ quan tâm tới phần vốn góp. Có một điểm đặc biệt khác biệt so với công ty đối nhân là ở công ty đối vốn có sự tách bạch về tài sản. Công ty đối vốn có tư cách pháp nhân, hơn nữa các thành viên chỉ chịu trách nhiệm về mọi khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty. Do cơ cấu thành lập công ty chỉ quan tâm tới vốn góp mà thành viên của công ty đối vốn thường rất đông, công ty phải đóng thuế cho nhà nước, thành viên phải nộp thuế thu nhập cá nhân. Cũng do thành viên của công ty đối vốn rất đông nên nó thường có quy chế pháp lý về tổ chức và hoạt động. Có hai loại công ty đối vốn là:

* Công ty cổ phần;
* Công ty trách nhiệm hữu hạn( một thành viên hoặc hai thành viên trở lên).

**II.Pháp luật hiện hành về hình thức vốn góp, định giá vốn góp và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ty.**

1. **Hình thức góp vốn.**

**a.Khái niệm góp vốn.**

Theo quy định của pháp luật hiện hành thì các thành viên có thể góp vốn

bằng tài sản và thay đổi loại tài sản góp vốn trong công ty. Cụ thể theo quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp năm 2005 thì: *“Góp vốn là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ty. Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác ghi trong điều lệ công ty do thành viên góp vốn để tạo thành vốn của công ty.”* Như vậy theo quy định này thì các tài sản như ô tô, nhà, đất… đều có thể là các tài sản được sử dụng để góp vốn vào công ty. Tuy nhiên nếu trong trường hợp đã có thỏa thuận trước với các thành viên trong công ty là sẽ góp vốn bằng một hình thức cụ thể nào đó mà sau đó muốn thay đổi hình thức góp vốn bằng loại tài sản khác thì cần:

* Được sự nhất trí của các thành viên còn lại trong công ty ( phải ghi lại thành văn bản).
* Tài sản được định giá để quy ra số tiền mặt tương ứng với tỷ lệ vốn góp của thành viên muốn thay đổi tài sản góp vốn trong công ty ( Theo điều 30 Luật doanh nghiệp)
* Công ty thông báo bằng văn bản nội dung thay đổi đó đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày chấp nhận sự thay đổi đó.
* Làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

**b.Đối tượng góp vốn.**

Theo quy định Tại khoản 3 Điều 13 Luật doanh nghiệp và Pháp lệnh cán bộ

công chức quy định thì tổ chức, các nhân có quyền mua cổ phần của công ty cổ phần được quyền góp vốn vào công ty TNHH, công ty hợp danh, trừ những trường hợp sau đây:

- Cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài

sản của Nhà nước và Công quỹ góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.

- Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, vợ hoặc chồng của

người đó không được phép góp vốn vào doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành, nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước.

Như vậy, công chức chỉ bị hạn chế việc góp vốn kinh doanh vào những

ngành nghề mà người đó trực tiếp thực hiện việc quản lý nhà nước, hạn chế này không áp dụng đối với các ngành nghề khác. Công chức không có quyền thành lập và quyền quản lý doanh nghiệp theo điều 9 Luật doanh nghiệp. Do đó, công chức không thể góp vốn vào công ty TNHH vì người góp vốn thì đương nhiên là thành viên Hội đồng thành viên và được coi là người quản lý công ty; công chức chỉ được góp vốn vào công ty cổ phần với tư cách là cổ đông mà không được tham gia Hội đồng quản trị, được góp vốn vào công ty hợp danh với tư cách là thành viên góp vốn.

 Hơn nữa theo quy định tại khoản 1 điều 10 nghi định 139/2007/ND\_CP thì “ Tất cả các tổ chức là pháp nhân, gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, không phân biệt nơi đăng kí trụ sở chính và mọi cá nhân, không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú nếu không thuộc quy định tại khoản 4 điều 13 của Luật doanh nghiệp đều có quyền góp vốn, mua cổ phần với mức không hạn chế tại doanh nghiệp theo quy định tương ứng của Luật doanh nghiệp, trừ các trường hợp dưới đây:

 *a/ Tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các công ty niêm yết thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.*

 *b/ Tỉ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài trong các trường hợp đặc thù áp dụng qui định của các luật nói tại khoản 3 điều 3 nghị định này và các các quy định của pháp luật chuyên nghành khác có liên quan.*

 *c/ Tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sở hữu theo hình thức khác thực hiện theo pháp luật về cổ phần hóa và chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.*

 *d/ Tỉ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ áp dụng theo biểu cam kết cụ thể về thương mại dịch vụ”.*

Theo đó đối tượng được quyền góp vốn vào đầu tư kinh doanh ở các công ty đã được mở rộng rất nhiều không có sự phân biệt người Việt Nam hay người nước ngoài. Cụ thể các đối tượng góp vốn, mua cổ phần nhà đầu tư nước ngoài vàodoanh nghiệp Việt Nam được quy định ở quyết định *Ban hành kèm theo Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ).*

**c.Kết quả của việc góp vốn.**

 Như vậy việc góp vốn đưa tài sản vào công ty thực chất là chủ sở hữu đang thực hiện quyền định đoạt tài sản của mình. Để đảm bảo cho lợi ích của các thành viên góp vốn vào công ty Luật doanh nghiệp 2005 đã quy định vấn đề cấp giấp chứng nhận phần vốn góp. Tại thời điểm góp đủ giá trị phần vốn góp, thành viên được công ty cấp Giấy chứng nhận đối với phần góp vốn vào công ty TNHH hai thành viên trở lên nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận phần vốn góp. Trường hợp giấy chứng nhận phần góp bị mất, bị rách, cháy…hoặc bị thiêu hủy dưới bất kỳ hình thức nào thì thành viên được cấp lại Giấy chứng nhận phần vốn góp và phải trả chi phí do công ty quy định. Đối với công ty cổ phần sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu có thể dưới dạng một loại hoặc chứng chỉ do công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu có thể có ghi tên hoặc không ghi tên, nhưng phải đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty cổ phần để xác lập quyền và nghĩa vụ cổ đông.

1. **Định giá tài sản góp vốn**

 Tại khoản 4 điều 4 LDN qui định “ Tài sản góp vốn có thể là tiền Việt Nam,

ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kĩ thuật, các tài sản khác ghi trong điều lệ công ty do thành viên góp để tạo thành tài sản của công ty”. Luật quyết định rằng những tài sản mà không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các cổ đông sáng lập hoặc tổ chức chuyên nghiệp định giá( Khoản 1 điều 30 Luật doanh nghiệp 2005).

**a)Phương thức định giá.**

 *Nếu là tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp* thì người có quyền định giá là tất cả các thành viên sáng lập và định giá theo nguyên tắc nhất trí. Cụ thể khoản 2 Điều 30 Luật doanh nghiệp 2005 quy định như sau: “ *Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí; nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm kết thúc định giá”.*

 *Nếu tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động* thì phương thức định giá được áp dụng theo khoản 3 Điều 30 Luật doanh nghiệp. Cụ thể: “ *Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động kinh doanh do doanh nghiệp và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức định giá chuyên nghiệp thì giá trị tài sản thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn vào doanh nghiệp chấp thuận; nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn hoăc tổ chức định giá và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá”.*

 ***Định giá theo thoả thuận giữa các bên:*** Các bên có thể xác định giá trị của tài sản góp vốn bằng con số cụ thể, ví dụ: 1triệu, 2 triệu đồng,…. Hoặc xác định công thức tính giá trị bằng các tham số có tác dụng làm cho giá trị của tài sản trở nên chắc chắn xác định được tại thời điểm góp vốn. Giá trị của tài sản phải được thông qua bằng nguyên tắc nhất trí. Tài sản góp vốn cũng có thể được định giá bởi một người thứ ba do các bên nhất trí chỉ định.

 ***Định giá bởi một người thứ ba:*** Người thứ ba thông thường là các tổ chức định giá tài sản chuyên nghiệp (các công ty tài chính, ngân hàng…), được các bên uỷ quyền để định giá. Người thứ ba phải thực hiện công việc một cách độc lập, không chịu sự chi phối của bất kỳ bên góp vốn nào trong việc định giá.

**b. Trách nhiệm của người định giá**.

 Thực chất của việc quy định trách nhiệm của người định giá là để cho người định giá có thẩm quyền có ý thức và có trách nhiệm về nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mình. Đối với trường hợp định giá để thành lập doanh nghiệp thì thẩm quyền định giá sẽ thuộc về các thành viên, cổ đông sáng lập. Nếu tài sản định giá cao hơn giá thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập phải liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty bằng số chênh lệch giữa giá trị được định và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá. Còn trong trường hợp hoạt đông kinh doanh sẽ do doanh nghiệp và người góp vốn hoặc do tổ chức chuyên nghiệp định giá thì trách nhiệm được nói đến ở đây thuộc về bên được thuê định giá tài sản. Quyền và nghĩa vụ các bên sẽ được xác định trong hợp đồng. Tổ chức được thuê định giá tài sản sẽ phải chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định tài sản trước khách hàng của mình.

**c.Ý nghĩa của việc định giá.**

 ***Đối với chủ sở hữu Phần Vốn Góp* đây là c**hìa khoá để phân chia quyền lực và lợi ích tài chính trong công ty. Bằng việc góp vốn, người góp vốn được nhận Phần Vốn Góp có giá trị tương ứng với giá trị tài sản góp vốn. Giá trị Phần Vốn Góp là tham số cho rất nhiều quyền của chủ sở hữu Phần Vốn Góp: có số phiếu biểu quyết tương ứng Phần Vốn Góp; được chia lợi nhuận tương ứng Phần Vốn Góp; nhận giá trị tài sản có ròng khi giải thể hoặc phá sản công ty tương ứng Phần Vốn Góp; …

 ***Đối với chủ nợ của pháp nhân công ty* thì sau khi** tài sản khi được đem góp vốn sẽ thuộc về sản nghiệp của công ty, nằm trong khối tài sản có của công ty và được dùng để đảm bảo cho các khoản nợ của công ty. Nếu tài sản được định giá cao hơn so với giá trị thực tế, các chủ nợ sẽ bị thiệt hại do giá trị của tài sản đảm bảo không tương xứng với giá trị của nghĩa vụ mà công ty phải thực hiện.

1. **Chuyển quyền đối với tài sản góp vốn cho công ty.**

 **Điều 29 Luật doanh nghiệp 2005 quy định về vấn đề chuyển quyền đối với tài sản góp vốn vào công ty như sau:**

1. ***Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:***
2. ***Đối với tài sản có đăng ký hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoăc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.Việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ:***
3. ***Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Biên bản giao nhận phải ghi rõ họ tên và địa chỉ trụ sở chính của công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc giấy chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số quyết định thành lập hoặc đăng ký của người góp vốn; loại tài sản và số đơn vị tài sản góp vốn; tổng giá trị tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng tài sản đó trong vốn điều lệ công ty; ngày giao nhận; chữ ký của người góp vốn hoặc đại diện theo ủy quyền của người góp vốn và đại diện theo pháp luật của công ty;***
4. ***Cổ phần hoặc phần góp vốn bằng tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối vối tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty.***
5. ***Tài sản sử dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân không phảỉ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp.***

Với nghĩa vụ đảm bảo quyền sở hữu và quyền sử dụng của công ty và nghĩa vụ bảo đảm chất lượng đối với tài sản chuyển giao, dường như người góp vốn có những nghĩa vụ tương tự như người bán trong một hợp đồng mua bán.

**a.Chuyển giao pháp lý( tài sản có đăng ký quyền sở hữu).**

 Điều 22 khoản 1a, Luật Doanh Nghiệp quy định rằng đối với các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất góp vốn phải xuất hoá đơn, trong hoá đơn ghi giá trị của tài sản đúng bằng giá trị góp vốn theo biên bản của hội đồng quản trị, dòng thuế GTGT không ghi và gạch chéo. Hoá đơn này làm căn cứ để chuyển quyền sở hữu tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tài sản góp vốn trong trường hợp này không phải chịu lệ phí trước bạ.

Riêng tài sản phải đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất làm tài sản kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân thì không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp. Điều luật dường như chỉ muốn nhấn mạnh tới nghĩa vụ tiến hành các thủ tục sang tên của người góp vốn. Thực ra, việc xác định người có nghĩa vụ làm các thủ tục đồng nghĩa với việc xác định ai phải thực hiện các nghĩa vụ về tài chính (thường là lệ phí trước bạ) trong quá trình thực hiện thủ tục sang tên. Thông thường, người nhận tài sản chuyển nhượng là người phải nộp lệ phí trước bạ. Tuy nhiên, luật cũng không ngăn cấm việc các bên tự thoả thuận ngược lại. Hơn nữa, tại đoạn chót của khoản 1a, điều luật đã dẫn, quy định rằng việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ.

 Thế nhưng, đối với việc chuyển giao quyền sở hữu, vấn đề quan trọng đặt ra là thời điểm chuyển giao quyền chứ không phải ai là người thực hiện các thủ tục. Bởi thời điểm chuyển giao quyền liên quan tới thời điểm chịu rủi ro đối với tài sản.Hợp đồng góp vốn vào công ty có tư cách pháp nhân và hợp đồng mua bán đều là các hợp đồng có tác dụng chuyển quyền sở hữu một tài sản (tài sản góp vốn; tài sản bán) và xác lập quyền sở hữu đối với một tài sản khác (Phần Vốn Góp – trong hợp đồng góp vốn; tiền – trong hợp đồng mua bán). Bơỉ vậy, ta nói rằng, giống như hợp đồng mua bán, hợp đồng góp vốn vào công ty là một hợp đồng chuyển nhượng tài sản có đền bù. Một cách hợp lý, ta có thể áp dụng các quy định về thời điểm chuyển quyền sở hữu và chịu rủi ro đối với tài sản của hợp đồng mua bán cho trường hợp góp vốn vào công ty.

 Trường hợp tài sản thuộc loại phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng (đối với quyền sử dụng đất), thì quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với tài sản góp vốn được chuyển giao cho công ty kể từ thời điểm hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với tài sản đó (Điều 432, 696 Bộ luật dân sự). Việc giao và nhận tài sản góp vốn có thể thực hiện trước hoặc sau khi hoàn tất thủ tục sang tên, tuỳ thuộc sự thoả thuận giữa các bên. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, công ty chỉ trở thành chủ sở hữu đối với tài sản góp vốn (hoặc người sử dụng đất) kể từ ngày giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng được cấp.

**b.Chuyển giao vật chất( tài sản không đăng ký quyền sở hữu).**

 Đối với tài sản thuộc loại không phải đăng ký quyền sở hữu, nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu được thực hiện bằng cách giao tài sản (Điều 22 khoản 1b, Luật Doanh Nghiệp). Nghĩa vụ giao tài sản được coi là hoàn thành khi tài sản được giao đúng tình trạng, đúng số lượng như đã thoả thuận trong hợp đồng góp vốn và tài sản ở trong tư thế hoàn toàn sẵn sàng để người nhận chiếm hữu. Việc giao và nhận phải được xác nhận bằng văn bản (cùng điều luật). Trường hợp góp vốn bằng tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu phải có biên bản chứng nhận góp vốn, biên bản giao nhận tài sản, biên bản định giá tài sản, biên bản điều chuyển tài sản. Các biên bản này được coi là chứng từ hợp pháp để xác định nguyên giá tài sản cố định và được trích khấu hao tài sản cố định theo quy định.

 Trường hợp giá trị tài sản cố định do đơn vị tự định giá không phù hợp so với giá thực tế của tài sản cố định cùng loại hoặc tương đương trên thị trường thì đơn vị phải xác định lại giá trị hợp lý của tài sản cố định; nếu giá trị tài sản cố định vẫn chưa phù hợp với giá thực tế trên thị trường, cơ quan thuế có quyền yêu cầu đơn vị xác định lại giá trị tài sản cố định thông qua hội đồng định giá ở địa phương hoặc tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật.

 Như vậy, với quy định chuyển quyền sở hữu, tài sản đem góp vốn chính thức ra đi khỏi sản nghiệp của người góp vốn và gia nhập vào sản nghiệp của công ty nhận vốn góp. Với tư cách là chủ sở hữu, công ty có quyền khai thác công dụng và định đoạt đối với tài sản đó. Dưới con mắt của các chủ nợ của công ty, các tài sản đó có thể bị kê biên để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ của công ty đối với họ.Ta đã thừa nhận rằng, tài sản không còn thuộc về sản nghiệp của người góp vốn nữa một khi mang đi góp vốn vào công ty có tư cách pháp nhân.

1. **Một số nhận xét về các quy định của pháp luật về hình thức góp vôn,**

**định gía tài sản, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ty**.

**a)Ưu điểm.**

Như đã nói ngay từ phần mở đầu thì luật doanh nghiệp năm 2005 ban hành đã đánh dấu những bước tiến đáng kể, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh. Điều đó thể hiện không chỉ qua toàn bộ các quy định của luật doanh nghiệp 2005 mà nó con thể hiện qua cả một số quy định về hình thức góp vốn, định giá tài sản, chuyển quyền sở hữu tài sản vào công ty. Cụ thể:

 *Thứ nhất*, Luật doanh nghiêp 2005 mở rộng tối đa phạm vi các chủ thể có vốn được góp vào hoạt động kinh doanh cho phép các nhà đầu tư không phân biệt quốc tịch, nơi cư trú thực hiện các quyền năng của mình nhờ đó mà đã huy động được mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế. Mọi tổ chức cá nhân được quyền góp vốn ở đây không phân biệt là người Việt Nam hay người nước ngoài. Luật doanh nghiệp không hạn chế độ tuổi tối thiểu của cá nhân góp vốn vào công ty ngoài ra người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự cũng được quyền góp vốn vào công ty thông qua người đại diện theo pháp luật. Tổ chức nước ngoài, người nước ngoài không thường trú tại Việt Nam có quyền góp vốn và mua cổ phần tại công ti với mức không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

 *Thứ hai*, điều 30 Luật doanh nghiệp năm 2005 quy định về các nguyên tắc định giá tài sản góp vốn dựa trên nguyên tắc nhất trí của các người góp vốn, không có sự can thiệp của cơ quan quản lý nhà nước như Luật doanh nghiệp 1999 với mục tiêu giảm chi phí cho nhà đầu tư khi thành lập Doanh nghiệp nói chung.
Ngoài ra , để đảm bảo việc định giá đúng giá trị tài sản góp vốn, các bên cũng có thể thỏa thuận thuê một tổ chức định giá chuyên nghiệp để xác định giá. Tuy nhiên, giá do tổ chức chuyên nghiệp định giá chỉ mang tính chất tham khảo; mà việc quyết định giá là do các bên góp vốn quyết định và thỏa thuận. Đồng thời, luật cũng nghiêm cấm trường hợp cố tình định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản góp vốn (Điều 11 Khoản 4 Luật Doanh nghiệp).

 *Thứ ba*, Có thể nói Luật doanh nghiệp năm 2005 đã đưa ra được các tài sản khi góp vốn vào công ty phải được định giá, nguyên tắc định giá, thẩm quyền định giá và trách nhiệm của người có quyền định giá là một tiến bộ rất lớn tạo thuận lợi cho cả nhà đầu tư và doanh nghiệp.

**b.Hạn chế.**

 Có thể nói Luật doanh nghiệp năm 2005 có rất nhiều điểm tiến bộ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển tuy nhiên nó cũng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Cụ thể:

 *Thứ nhất*, theo em nên có những quy định cụ thể hơn về tài sản được coi là vốn góp. Khi tài sản là tài sản thuộc sở hữu chung hay tài sản là các loại giấy tờ có giá trị giá được bằng tiền thì cần có những quy định kèm theo như sự thỏa thuận bằng văn bản của các đồng chủ sở hữu, những loại giấy tờ nào có thể được coi là vốn góp trong những điều kiện như thế nào. Tài sản góp vốn phải đảm bảo các yêu cầu như : Có giá trị thực tại thời điểm góp vốn, có khả năng đáp ứng nhu cầu đầu tư của công ty, tồn tại độc lập tách rời với các tài sản khác, được công ty chấp nhận.

 *Thứ hai,* trong thực tế để tìm được sự nhất trí cho việc định giá tài sản không hề đơn giản, việc pháp luật không đòi hỏi người có thẩm quyền định giá phải có đủ trình độ, nghiệp vụ để có thể xác định giá trị của loại tài sản góp vốn là bao nhiêu tiền Việt Nam. Do đó việc định giá tài sản cần có sự hợp tác cao giữa những người có thẩm quyền định giá để đi đến một mức giá cụ thể, phản ánh xác thực hiện trạng tài sản mà nhà đầu tư thấy rõ là hợp lí, đảm bảo không gây ra chanh chấp. Việc góp vốn là hành vi của người có nhu cầu đầu tư tham gia vào công ty vì vậy cần qui định trách nhiệm của người góp vốn về giá trị tài sản mà người đó dùng để góp vốn vào công ty. Người góp vốn sẽ chịu trách nhiệm trước công ty về hành vi khai báo không đúng sự thật về giá trị tài sản hay nguồn gốc tài sản đó.

 *Thứ ba*, có một điều vướng mắc nhất trong chuyển quyền sở hữu tài sản vào công ty là chuyển quyền sử dụng đất. Điều 4, luật đã dẫn quy định: " Nhận chuyển quyền sử dụng đất là việc xác lập quyền sử dụng đất do được người khác chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật thông qua các hình thức góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà hình thành pháp nhân mới". Như vậy, luật chính thức thừa nhận tư cách người nhận chuyển quyền sử dụng đất cho công ty có tư cách pháp nhân, người góp vốn là người chuyển quyền sử dụng đất.Quyền sử dụng đất là tài sản phải đăng ký. Bằng việc đăng ký, người sử dụng đất xác lập quyền và nghĩa vụ trước nhà nước và người thứ ba. Người sử dụng đất được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người nhận quyền sử dụng đất do hiệu lực của một hợp đồng góp vốn phải đăng ký quyền sử dụng đất (Điều 46, Luật Đất Đai). Công ty là người nhận quyền sử dụng đất, vì vậy, công ty phải đăng ký quyền sử dụng đất. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc công ty xác lập tư cách người sử dụng đất trước nhà nước và người thứ ba. Có thể thấy cơ chế chuyển nhượng khá lằng nhằng đòi hỏi sự tạo điều kiện hết sức có thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**C.KẾT THÚC VẤN ĐỀ.**

Có thể khẳng định một lần nữa rằng luật doanh nghiệp năm 2005 ra đời đã đánh dấu cho sự phát triển mới trong khung pháp lý của nước ta. Luật doanh nghiệp là cơ sở pháp lí thúc đẩy đổi mới tư duy kinh doanh theo hướng thừa nhận và tôn trọng quyền thành lập doanh nghiệp để kinh doanh của công dân, cùng với các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp đã thể hiện bước tiến quan trọng trong việc xác định địa vị pháp lí cho doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ti, góp phần cải thiện mô hình đầu tư ở nước ta. Trong đó các quy định về hình thức góp vốn, định giá tài sản góp vốn, chuyển quyền sở hữu tài sản vào công ty là một trong số những điểm tiến bộ của Luật doanh nghiệp năm 2005.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.**

1. Luật doanh nghiệp 2005
2. Giáo trình luật thương mại Tập 1 Trường đại học luật Hà Nội.
3. Trần Thị Hồng Nhung các vấn đề pháp lí về định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào công ti theo luật doanh nghiệp.